

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HSST

Ngày: 18 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp: Cán bộ hưu trí phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn

2. Ông Nguyễn Ron: Chủ tịch UBMTTQ phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng là Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/HSST/QĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ THANH T., sinh năm 1969 tại Bình Định; Nơi cư trú: Tổ 9, khu vực 1, phường T., TP. Q., tỉnh B; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Nguyễn Văn M. (chết) và bà Trần Thị Thu C. sinh năm 1947; Có chồng là ông Huỳnh Ngọc Q. sinh năm 1971, có 03 con, lớn nhất 29 tuổi, nhỏ nhất 14 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam từ ngày 04/8/2014 đến ngày 02/10/2014 thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh để chữa bệnh thần kinh sau đó Cơ quan Điều tra Tạm đình chỉ điều tra bị can; Bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

-Người bào chữa:

Ông Nguyễn Văn T., Luật sư của Văn phòng Luật sư T. và cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo do Tòa mời theo luật định; Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:

Ông Huỳnh Ngọc Q. sinh năm 1971; Trú tại: Tổ 9, khu vực 1, phường T., TP. Q., tỉnh B. (là chồng của bị cáo); Có mặt.

- Bị hại:

Chị Lê Thị Hoài N. sinh năm 1981; Trú tại: 19 đường Nguyễn D., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

Chị Lâm Thị Thiên H. sinh năm 1966; Trú tại: 12E đường B., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

Chị Hà Thị Thu A. sinh năm 1969; Trú tại: 171C đường T., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

Chị Lê Thị T. sinh năm 1976; Trú tại: 167/1 đường N., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thu H. sinh năm 1993; Trú tại: 11A đường H., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L. sinh năm 1994; Trú tại: tổ 3, khu vực 7, P. N., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với thủ đoạn đi vào các nơi bán hàng hóa trên địa bàn TP.Q., giả vờ hỏi mua hàng, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bán hàng để lén lút lấy trộm tài sản. Từ tháng 12/2013 đến tháng 8/2014, Nguyễn Thị Thanh T. cùng với Trương Thị Thu N. đã thực hiện một số vụ trộm cắp như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10h30' ngày 07/12/2013, T. và N. đến tiệm cầm đồ của chị Lê Thị Hoài N. ở số 19 đường Nguyễn D., TP.Q., vờ hỏi mua máy tính xách tay, lợi dụng sơ hở của chị Hoài N., N. đã lén lấy 01 máy Ipad 4 màu trắng rồi bỏ đi. Sau đó, đem đến bán cho tiệm sửa chữa điện thoại H. ở số 588 đường T., TP. Q. do Lê Thanh S. làm chủ bán được 3.000.000đồng. Lê Thanh S. đã bán lại máy này cho người đi đường không xác định nên không thu hồi được.

Vụ thứ 2: Khoảng 15h30' ngày 17/4/2014, T. và N. đến Văn phòng Công ty Du lịch Miền Trung tại số 214A đường N., TP.Q. vờ hỏi thuê xe đi Nha Trang. Lợi dụng lúc chị Lâm Thị Thiên H. nhân viên Công ty không để ý, N. đã lén lấy 01 ĐTDĐ hiệu SamSung Galaxy màu trắng để trên bàn rồi bỏ đi. Sau đó, đem điện thoại đến bán cho Lê Thanh S. lấy 2.800.000đồng. Lê Thanh S. đã bán điện thoại này cho người đi đường không xác định, nên không thu hồi được.

Vụ thứ 3: Khoảng 09h ngày 23/4/2014, T. và N. đến tiệm bán mỹ phẩm của chị Hà Thị Thu A. ở số 171C đường T., TP.Q.. vờ hỏi mua mỹ phẩm. Lợi dụng sơ hở, N. đã lén lấy 01 ví da bên trong có 12.000.000đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ 4: Khoảng 09h ngày 25/7/2014, N. và T. đến tiệm tạp hóa của chị Lê Thị T. ở số 179 đường N., TP. Q. vờ hỏi mua hàng, lợi dụng lúc chị T. thiếu cảnh giác, N. đã lén lấy 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 4. Sau đó, đem đến bán cho Lê Thanh S. được 2.400.000đồng. Lê Thanh S. đã bán điện thoại này cho người đi đường không xác định nên không thu hồi được.

Vụ thứ 5: Khoảng 09h ngày 03/8/2014, T. và N. đến quán cà phê của chị Nguyễn Thị Thu H. ở 268 đường P., TP.Q. N. vào trong vờ mua nước và nói chuyện, còn T. ở ngoài. Lợi dụng lúc chị H. không để ý, N. đã lén lấy 02 ĐTDĐ hiệu Oppo màu trắng và SamSung Galaxy rồi bỏ đi. N. đem điện thoại hiệu Oppo đến bán cho Lê Thanh S. được 1.200.000 đồng, điện thoại SamSung N. giữ lại sử dụng.

Vụ thứ 6: Khoảng 09h45' ngày 04/8/2014, T. và N. đến tiệm bán quần áo tại số 286 đường N., TP.Q.. Lúc này, trong tiệm có chị Nguyễn Thị L. là nhân viên bán hàng. Cả hai vờ mua quần áo, lợi dụng lúc chị L. không để ý, N. đã lén lấy trộm điện thoại di động hiệu Lenovo màu trắng rồi bỏ đi. Trên đường đi tiêu thụ chiếc điện thoại này thì bị Công an phường L. phát hiện, bắt giữ và cả hai đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận máy Ipad 4 của chị N. có giá trị 12.500.000 đồng; điện thoại di động Samsung Galaxy của chị H. có giá trị 2.700.000 đồng; điện thoại di động Iphone 4 của chị T. có giá trị 4.500.000 đồng; điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng và điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy của chị H. có tổng giá trị 3.500.000 đồng; điện thoại di động hiệu Lenovo màu trắng của chị L. có giá trị 2.250.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng và điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy trả lại cho chị H., thu hồi điện thoại di động hiệu Lenovo màu trắng trả lại cho chị L.. Nguyễn Thị Thanh T. đã bồi thường cho chị N. 6.250.000 đồng; bồi thường cho chị H. 1.350.000 đồng; bồi thường cho chị A. 6.000.000 đồng; bồi thường cho chị T. 2.250.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu Nguyễn Thị Thanh T. bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 38/CT - VKSQN ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố Nguyễn Thị Thanh T. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, từ tháng 12/2013 đến đầu tháng 8/2014 đã nghe theo lời rủ rê của Trương Thị Thu N., chở N. đến các địa điểm kinh doanh, mua bán hàng hóa trên địa bàn TP. Q.. để Nga giả vờ thuê dịch vụ, mua hàng hóa, thu hút sự chú ý của chủ các cơ sở kinh doanh, sau đó lén lút lấy trộm tài sản có tổng giá trị giá trị 37.450.000 đồng nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo phạm tội 06 lần, giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần”. Bị cáo khai thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại, là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiện đang là bệnh nhân điều trị bệnh thần kinh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh B. nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tự bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo không tranh luận.

Luật sư Nguyễn Văn T. bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo, bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận và xấu hổ về hành vi của mình, hiện nay bị cáo đang điều trị bệnh thần kinh, mong Tòa cho bị cáo ở ngoài để tiếp tục điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh nhưng vì tham lam nên đã nghe theo lời rủ rê của Trương Thị Thu N., chở Nga đến các cơ sở kinh doanh, buôn bán hàng hóa trên địa bàn TP. Q. để N. giả vờ hỏi thuê dịch vụ hoặc giả vờ mua hàng để người cho thuê dịch vụ, người bán hàng tập trung chú ý vào việc bán hàng, tạo điều kiện cho Trương Thị Thu N. lén lút lấy trộm tài sản trong các cơ sở kinh doanh buôn bán hàng hóa này. Từ ngày 07/12/2013 đến ngày 04/8/2014, bị cáo và Trương Thị Thu N. đã lấy của chị Lê Thị Hoài N. tại tiệm cầm đồ số 19 đường N., TP. Q. 01 máy Ipad 4, lấy của chị Lâm Thị Thiên H tại văn phòng công ty du lịch Miền Trung số 214A đường N., TP. Q. 01 điện thoại di động Samsung Galaxy màu trắng; lấy của chị Hà Thị Thu A tại số nhà 171C đường T., TP. Q. 01 ví da bên trong có 12.000.000 đồng; lấy của chị Lê Thị T tại số nhà 179 đường N. 01 điện thoại di động Iphone 4; lấy của chị Nguyễn Thị Thu H tại số nhà 268 đường P., TP. Q. 01 điện thoại di động Samsung Galaxy và 01 điện thoại di động Oppo; lấy trộm của chị Nguyễn Thị L. tại số nhà 286 đường N., TP. Q. 01 điện thoại di động Lenovo. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì tổng giá trị tài sản và tiền bị cáo và Trương Thị Thu N. lấy của các bị hại là 37.450.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, mỗi vụ có tổng giá trị tài sản đều trên 2.000.000 đồng nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại phần bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, chỉ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và chỉ tham gia với vai trò giúp sức, sau thời gian bị tạm giam vì xấu hổ, hối hận về hành vi phạm tội của mình đã sinh bệnh. Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 104/KLG ĐTC ngày 28/01/2019 thì bị cáo hiện là người hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đang tiếp tục điều trị bệnh thần kinh ngoại trú nên xử bị cáo với mức án có lý, có tình và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện như đề nghị của kiểm sát viên và người bào chữa tại phiên tòa để bị cáo tiếp tục điều trị bệnh trong sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương nơi cư trú vừa bảo đảm tính nhân đạo của pháp luật hình sự, vừa bảo đảm tính giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Trần Thị Thu N. đã bị Tòa án nhân dân TP. Q. xử phạt 24 tháng tù tại Bản án số 155/2015/HSST ngày 18/12/2014. Hành vi của Lê Thanh S. mua tài sản do Trần Thị Thu N. và bị cáo lấy của các bị hại mang đến bán đã được xem xét trong bản án trên nên không xét lại.

[4] Bồi thường thiệt hại:

Bị cáo cùng với Trương Thị Thu N. lấy trộm tài sản của các chị N., H., A., T., H., L. Chị H. và chị L. đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu bồi thường nên không xét. Chị N., chị H., chị T. yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được theo giá Hội đồng định giá đã định. Chị A. yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng. Bản án số 155/2015/HSST ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân TP. Q. đã buộc Trương Thị Thu N. bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho các bị hại có yêu cầu, $\frac{1}{2}$ còn lại bị cáo có nghĩa vụ bồi thường. Bị cáo đã bồi thường cho chị Lê Thị Hoài N. 6.250.000đồng; bồi thường cho chị Lâm Thị Thiên H. 1.350.000đồng; bồi thường cho chị Hà Thị Thu A. 6.000.000 đồng; bồi thường cho chị Lê Thị T. 2.250.000đồng, không ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[5] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ

phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T., TP. Q., tỉnh B. giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

